

Bản án số: 574/2020/DS-PT  
Ngày 28 tháng 10 năm 2020  
V/v “Tranh chấp di sản thừa kế và yêu  
cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử  
dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản  
khác gắn liền với đất”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Ngọc Huynh

**Các Thẩm phán:** Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Nguyễn Văn Tửu

**Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 254/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

Do Bản án sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3458/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim A – sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 54E, đường Ký C, phường Nguyễn Thái B, quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện theo ủy quyền của bà Kim A:** Ông Ngô Đức Đ, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Nghi K, Nghi L, Nghệ An (có mặt).

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Kim A:** Luật sư Lê Ngọc L – Công ty Luật TNHH Chìa Khóa V (Gold K) thuộc Đoàn Luật sư Thành phố

Hồ Chí Minh (có mặt)

**Bị đơn:**

1/ Ông Nguyễn Văn X – sinh năm 1945 (vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị Đ – sinh năm 1953 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Hautt Platz 37.4053 H - Aus

Tạm trú: Số 03 Hai Bà Tr, tổ dân phố X, thị trấn Phan Rí C, Tuy Ph, Bình Thuận.

**Người đại diện theo ủy quyền của ông X, bà Đ:** Ông Đỗ Minh Tr – sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Số 44 Nguyễn Thị Minh Kh, phường Đức Ng, Tp. Phan Th, tỉnh Bình Thuận.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1944 (vắng mặt).

Địa chỉ: 217 SSN.

- Ông Nguyễn B – sinh năm 1950 (vắng mặt).

Địa chỉ: 36 DSN.

- Bà Nguyễn Thị X – sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: HSL, Aust

**Người đại diện theo uỷ quyền của bà T, ông B, bà X:** Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 17 Trần Khánh D, phường Tân Đ, quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Tr – sinh năm 1956 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 382 Cao Bá Qu, thị trấn Phan Rí C, huyện Tuy Ph, tỉnh Bình Thuận.

- Ông Nguyễn Th , sinh năm 1954,

- Ông Nguyễn Văn L- sinh năm 1965

(Ông Th và ông Li hiện nay không rõ địa chỉ).

- Ủy ban nhân dân thị trấn Liên H.

**Đại diện theo pháp luật:** Ông Nguyễn Phùng Trường Ng – Chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Ủy ban nhân dân huyện Tuy Ph.

**Đại diện theo pháp luật:** Ông Huỳnh Văn Đ - Chủ tịch (có đơn xin vắng mặt)

**Người kháng cáo:** Nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Kim A; bị đơn - ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị Đ.

**Người kháng nghị:** Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại phiên tòa sơ thẩm:**

**Bà Nguyễn Thị Kim A do ông Nguyễn Văn D đại diện, trình bày:**

Cha tên Nguyễn Văn T1, chết năm 2002, mẹ tên Nguyễn Thị T2, chết năm 2010. Cha mẹ có 08 người con, gồm: Bà Nguyễn Thị Kim A, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị Tr, ông Nguyễn Thiên, ông Nguyễn Văn L.

Năm 1992, cha mẹ có mua một căn nhà tọa lạc tại số 03, đường Hai Bà Tr, thị trấn Phan Rí C, huyện Tuy Ph. Nhà mua của vợ chồng ông Ngô Tấn Linh, bà Hồ Thị Ph, mua giá 30.000.000 đồng.

Năm 2002, cha là ông T1 chết. Năm 2010 mẹ là bà Nguyễn Thị T2 chết. Cả hai không để lại di chúc.

Năm 2010, vợ chồng ông X từ Áo về Việt Nam quản lý nhà này và làm thủ tục nhận thừa kế theo di chúc lập ngày 08/01/1994 đối với căn nhà số 03 đường Hai Bà Tr, thị trấn Phan Rí C, huyện Tuy Ph.

Bà A cho rằng di chúc lập ngày 08/01/1994 mà vợ chồng ông X làm thủ tục nhận thừa kế nhà là di chúc giả vì tại thời điểm lập di chúc cha mẹ bà bị mù, bị điếc, không biết chữ.

Bà Nguyễn Thị Kim A yêu cầu:

- Chia thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà số 03, đường Hai Bà Tr, thị trấn Phan Rí C, huyện Tuy Ph.

- Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số BG 067479 do Ủy ban nhân dân huyện Tuy Ph cấp ngày 19/02/2011 đứng tên vợ chồng ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Đ.

**Bị đơn ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Đ do ông Đỗ Minh Tr đại diện, trình bày:**

Năm 1992 do vợ chồng ông X, bà Đ ở nước ngoài có gửi tiền về cho em gái ông X là bà Nguyễn Thị Tr hai lần, mỗi lần là 5000USD, hai lần là 10.000USD để mua nhà của vợ chồng ông Linh, bà Phượng, nhà tọa lạc tại số 03 Hai Bà Tr, thị trấn Phan Rí C, huyện Tuy Ph, với giá là 20 cây vàng. Sau khi mua thì ông X nhờ cha mẹ ông là ông T1, bà T2 đứng tên.

Năm 1994, cha mẹ ông X lập di chúc ngày 08/01/1994 cho lại vợ chồng ông X ngôi nhà này. Trước đây cha mẹ ông X ở cùng với bà Tr tại căn nhà này.

Năm 2002 cha ông X chết, năm 2010 mẹ ông X chết.

Năm 1994, tại thời điểm cha mẹ để lại di chúc cho vợ chồng ông X, lúc đó mẹ ông X bị mù, cha ông X không biết chữ nên không ký tên mà chỉ lấn tay và có xác nhận của chính quyền địa phương.

Do đó, năm 2010 vợ chồng ông X làm thủ tục chuyển sang tên vợ chồng ông X (theo di chúc của cha mẹ lập ngày 08/01/1994), đến ngày 19/02/2011 được Ủy ban nhân dân huyện Tuy Ph cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên vợ chồng ông X, bà Đ.

Bà Tr ở tại căn nhà này có bỏ ra 80.000.000 đồng sửa chữa nhà. Vợ chồng ông X đã trả lại cho bà Tr số tiền 80.000.000 đồng sửa chữa nhà.

Vợ chồng ông X cho rằng nhà của vợ chồng ông X bỏ tiền ra nhờ cha mẹ đứng tên, cha mẹ ông X lập di chúc để lại cho vợ chồng ông X nên đây là nhà của vợ chồng ông X, bà Đ.

Nếu nguyên đơn cho rằng nhà của cha mẹ thì yêu cầu bà Tr phải trả lại 80.000.000 đồng cho vợ chồng ông.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tr, trình bày:**

Cha mẹ bà có 08 người con như lời trình bày của nguyên đơn.

Cha mẹ bà có tạo lập căn nhà ở số 03 Hai Bà Tr, thị trấn Phan Rí C, huyện Tuy Ph. Vợ chồng bà sống cùng cha mẹ tại căn nhà số 03 Hai Bà Tr này. Nhà do cha mẹ bà mua năm 1992. Vợ chồng bà ở cùng cha mẹ tại căn nhà số 03 Hai Bà Tr, vợ chồng bà có sửa chữa nhà 80.000.000 đồng.

Khi cha mẹ bà chết thì vợ chồng ông X, bà Đ và bà X1 đuổi vợ chồng bà ra khỏi nhà. Vợ chồng ông X có trả lại cho bà 80.000.000 đồng chi phí sửa chữa nhà.

Về di chúc của cha mẹ thì bà không nghe, không biết gì hết.

Bà từ chối nhận di sản của cha mẹ. Nếu toà chia di sản của cha mẹ thì phần của bà giao cho bà A.

Bà từ chối tham gia tố tụng và xin xử vắng mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X, trình bày:**

Cha mẹ bà có 08 người con như lời trình bày của nguyên đơn.

Bà không đồng ý chia căn nhà số 03 Hai Bà Tr. Để nhà thờ cúng ông bà, cha mẹ. Giao nhà cho bà A quản lý, thờ cúng cha mẹ. Đề nghị Toà án xét xử vắng mặt bà.

**Bà Nguyễn Thị T, trình bày:**

Căn nhà số 03 Hai Bà Tr, thị trấn Phan Rí C, huyện Tuy Ph là của cha mẹ bà.

Về tờ di chúc bà không hề biết đến. Bà không đồng ý chia thừa kế căn nhà số 03 Hai Bà Tr, thị trấn Phan Rí C, huyện Tuy Ph. Đề nghị giao nhà số 03 Hai Bà Tr, thị trấn Phan Rí C, huyện Tuy Ph cho bà Anh có trách nhiệm quản lý, thờ cúng cha mẹ.

Ông X hiện đang ở nước ngoài nên không tiện việc cai quản nhà. Đề nghị Toà án xét xử vắng mặt bà.

**Ông Nguyễn B, trình bày:**

Căn nhà số 03 Hai Bà Tr, thị trấn Phan Rí C, huyện Tuy Ph là của cha mẹ ông.

Đối với tờ di chúc cha mẹ ông để lại cho vợ chồng ông X, bà Đ thì ông không hề nghe cha mẹ nói đến, ông không biết.

Về tranh chấp thừa kế, yêu cầu chia nhà, ông không có ý kiến, ông từ chối tham gia tố tụng và xin xét xử vắng mặt.

**Ý kiến của Ủy ban nhân dân thị trấn Phan Rí C:**

Theo Công văn số 250/UBND ngày 29/12/2015 của Ủy ban nhân dân thị trấn Phan Rí C, thể hiện: Vợ chồng cụ Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Thị T2 có trực tiếp đến Ủy ban lập di chúc hay không và có ai làm chứng việc lập di chúc cũng như tình trạng sức khỏe của vợ chồng cụ T1, cụ T2, tại thời điểm lập di chúc, thì cán bộ tư pháp và người trực tiếp ký giấy xác lập di chúc tại thời điểm đó không nhớ rõ, vì công việc nhiều, thời gian quá dài, cách đây 21 năm.

**Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện Tuy Ph:**

Ủy ban nhân dân huyện Tuy Ph cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 067497 ngày 12/9/2011 cho vợ chồng ông X, bà Đ là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Nguồn gốc, cơ sở để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông X, bà Đ là được Ủy ban nhân dân huyện Tuy Ph cấp tờ khai sở hữu chủ nhà đất cho vợ chồng ông T1, bà T2 năm 1992. Sau đó, vợ chồng ông T1, bà T2 chết để lại nhà đất trên cho vợ chồng ông X, bà Đ theo di chúc được Ủy ban nhân dân thị trấn Phan Rí C chứng thực ngày 08/01/1994 (Theo Công văn số 76/UBND-NC ngày 15/01/2016).

Vụ án này đã được hoà giải nhưng không thành.

**Tại Bản án sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận quyết định:**

*1. Áp dụng:*

*- Khoản 5 Điều 26, Điều 34, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;*

*- Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015;*

- Điều 3, Điều 12, khoản 2, khoản 3 Điều 14, khoản 1 Điều 19, Pháp lệnh thừa kế năm 1990;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

## 2. Tuyên xử:

2.1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Kim A đối với yêu cầu chia thừa kế tài sản là căn nhà và đất toạ lạc tại số 03 đường Hai Bà Tr, thị trấn Phan Rí C, huyện Tuy Ph và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 067479 do Ủy ban nhân dân huyện Tuy Ph cấp ngày 12/9/2011 đứng tên vợ chồng ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Đ.

- Xác định căn nhà đất toạ lạc tại số 03 đường Hai Bà Tr, thị trấn Phan Rí C, huyện Tuy Ph là di sản của cụ T1 và cụ T2 để lại.

- Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 067479 do Ủy ban nhân dân huyện Tuy Ph cấp ngày 12/9/2011 cấp đứng tên vợ chồng ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Đ.

- Di chúc lập ngày 08/01/1994 không hợp pháp.

2.2/ Xác định di sản của cụ T1 và cụ T2 trị giá là 1.084.759.380 đồng.

2.3/ Xác định công sức tôn tạo, bảo quản di sản của vợ chồng ông X, bà Đ trị giá là 120.528.820 đồng.

2.4/ Xác định chi phí sửa chữa nhà của vợ chồng ông X, bà Đ là 354.943.000 đồng.

## 3/ Chia di sản bằng tiền:

- Chia cho bà T, ông X, ông B, ông Th, bà Tr, ông X, ông L, bà A, mỗi người được nhận hưởng kỷ phần thừa kế trị giá là 135.594.922,5 đồng.

## 4/ Chia bằng hiện vật:

- Chia cho bà A được quyền sử dụng thừa đất số 102/DT 100m<sup>2</sup> (Trên đất có căn nhà cấp 3, 2 tầng, diện tích xây dựng 87,5m<sup>2</sup>, diện tích sàn 136m<sup>2</sup>. Nhà và đất toạ lạc tại số 03 Hai Bà Tr, thị trấn Phan Rí C, huyện Tuy Ph).

Bà A có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo quy định pháp luật.

## 5/ Hoàn trả giá trị di sản được nhận hưởng:

Bà A có trách nhiệm hoàn trả cho bà T, ông B, ông Th, bà Tr, bà X, ông Liên, mỗi người là 135.594.922,5 đồng.

Bà A hoàn trả lại cho vợ chồng ông X, bà Đ số tiền là 611.066.742 đồng (trong đó, phần hoàn trả tiền mà ông X được nhận hưởng di sản thừa kế trị giá là 135.594.922,5 đồng, phần hoàn trả tiền chi phí sửa chữa nhà là 354.943.000

đồng, phần hoàn trả công sức đóng góp, tôn tạo, duy trì di sản là 120.528.820 đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/11/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 21/11/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và ông Hoàng Văn X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 25/11/2018, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Kim A kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không buộc các đồng thừa kế phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn X tiền sửa chữa nhà 354.943.000 đồng và không buộc các đồng thừa kế phải thanh toán cho ông X tiền công quản lý nhà.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

**Ông Đỗ Minh Tr trình bày:** Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập đã đủ cơ sở xác định căn nhà do ông X, bà Đ bỏ tiền ra mua. Tờ di chúc lập năm 1994 cha mẹ ông X, bà Đ xác nhận do ông X, bà Đ mua và sau khi qua đời cho ông X, bà Đ cho toàn quyền quyết định, nêu hình thức có sai thì không ảnh hưởng đến nội dung, cha mẹ đã thừa nhận nên không cần chứng minh. Đơn xác nhận của ông Ngô Tấn L là người bán căn nhà cho cụ T2 và cụ T1, trong lúc thủ tục sang nhượng ông bà cao tuổi làm gì có tiền mua thì có ông X, ông Đ gửi tiền về. Khi bà Tr ở căn nhà này có bỏ 80 triệu đồng sau khi ông X, bà Đ về thì bà Tr yêu cầu trả khi UBND xã hòa giải vẫn thừa nhận nhà của ông X, ông Đ nên hòa giải thành ông X, bà Đ trả tiền cho bà Tr. Ông X, bà Đ có quốc tịch Áo không được đứng tên, hiện nay người Việt Nam định cư ở nước ngoài có Visa Việt Nam vẫn đứng tên, ông X, bà Đ cũng chưa lần nào thôi quốc tịch Việt Nam nên vẫn còn quốc tịch Việt Nam.

Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Ông L, ông Th là con cụ T2, cụ T1 có 01 đang ở Áo, 1 người ở Úc nhưng không thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú thì căn cứ vào án lệ 06 để giải quyết khi xét xử vắng mặt, Tòa án sơ thẩm đã làm thủ tục ủy thác tư pháp nên căn cứ lời khai nguyên đơn xét xử vắng mặt họ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của họ. Đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

#### **Ông Lê Ngọc L trình bày:**

Không có tài liệu chứng cứ là bị đơn gửi tiền vào năm 1991 cho cha mẹ. Nguyên đơn nói gửi tiền nhờ cha mẹ mua nhà để ở, ông X khai chỉ gửi tiền mua 01 căn nhà này.

Di chúc thời điểm đó bố mẹ đã lớn tuổi bị điếc và bị mù, anh em không biết di chúc này đến khi khai nhận di chúc mới biết, người làm chứng lại là vợ chồng ông X, đã có đơn ngăn chặn phòng Tài nguyên và Môi trường theo kê khai di sản thừa kế nhưng sổ đỏ vẫn ra nên không thể xác định tài sản là của bị đơn. Ông X, bà Đ không mang quốc tịch Việt Nam thì cũng không đứng tên được. Phía bị đơn cải tạo không có chứng cứ nên không chấp nhận.

Bị đơn cung cấp bản Đơn xin phép sửa chữa do UBND xã Phan Rí C cung cấp là bản photo, phía bị đơn không có cung cấp, lời khai của bị đơn cho rằng có bỏ tiền ra sửa chữa nhà là không có căn cứ pháp lý. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn, bác kháng cáo của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:**

Bản án số 08/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét về quan hệ tranh chấp là quan hệ chia di sản thừa kế, nhưng ngay bản án này cũng không xác định được hàng thừa kế thứ nhất là gồm những ai, người nói 06, người nói 08. Trong nội dung quyết định của bản án sơ thẩm chia di sản thừa kế không nói rõ chia cho ai mà chia cho bà T, ông X, ông B, ông Th, bà Tr, ông X, ông L, bà A không thể thi hành án được. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông X và bà Đ nhưng họ lại có quốc tịch Áo, rõ ràng là người nước ngoài nhưng vấn đề quan trọng là họ còn giữ được song tịch không, còn quốc tịch Việt Nam hay không thì Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ. Do vậy, đề nghị chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, chấp nhận một phần kháng cáo của ông X, bà Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ tạm ứng án phí đương sự kháng cáo đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, có một số đương sự có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, một số đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Theo Giấy chứng tử do các đương sự cung cấp thì cụ Nguyễn Văn T1 sinh năm 1919, nhưng theo Giấy khai sinh của Bà Nguyễn Thị Kim A (BL 63) thì ghi năm sinh của cụ Nguyễn Văn T1 lại là năm 1917. Tòa án cấp sơ thẩm



chưa làm rõ đây là sự nhầm lẫn khi tiến hành lập các thủ tục xin cấp các văn bản này hay đây là 02 người khác nhau là thiếu sót.

[1.4] Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Kim A xác định cụ T1 và cụ T2 có 06 người con chung gồm: Bà Nguyễn Thị Kim A, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị X1, ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị Tr. Ông Dũ lúc thì khai cụ T1, cụ T2 có 06 người con, lúc thì khai cụ T1, cụ T2 có 08 người con. Các đồng thừa kế khác khác lại xác định cụ T1, cụ T2 có 08 người con vì ngoài 06 người trên còn thêm ông Nguyễn Th và ông Nguyễn Văn L. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà A vẫn xác định cụ T1, cụ T2 chỉ có 06 người con. Như vậy, lời trình bày của các đương sự về hàng thừa kế là có mâu thuẫn đối với trường hợp ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Th.

Theo Công văn số 78/PA72 ngày 22/01/2015 của Công an tỉnh Bình Thuận cung cấp thông tin thì ông Nguyễn Th sinh năm 1955, quốc tịch Áo, đã xuất cảnh lần cuối khỏi Việt Nam ngày 06/02/2012 chưa có thông tin nhập cảnh; ông Nguyễn Văn L sinh năm 1963, quốc tịch Úc, đã xuất cảnh lần cuối khỏi Việt Nam ngày 04/01/2007 chưa có thông tin nhập cảnh.

Ngoài lời khai của các đương sự và nội dung theo Công văn số 78/PA72 nêu trên thì không còn thông tin nào khác về ông L, ông Th để xác định 02 người này là các đồng thừa kế. Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải xác minh tại các cơ quan quản lý hộ khẩu, hộ tịch, cơ quan xuất nhập cảnh, thu thập hồ sơ, tài liệu để làm rõ ông L và ông Th có phải là con của cụ T2 và cụ T1 hay không; đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần xác minh làm rõ ông L và ông Th còn sống hay đã chết, từ đó mới đủ căn cứ xác định chính xác tư cách đương sự. Trong khi chưa làm rõ các vấn đề này, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tiến hành giải quyết vụ án và chia thừa kế cho ông L và ông Th là không đúng quy định của pháp luật.

[1.5] Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông L và ông Th đều vắng mặt. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại không tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho 02 người này, không thực hiện đầy đủ các biện pháp tố tụng khác đối với trường hợp giải quyết vụ án khi đương sự vắng mặt tại Tòa án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của 02 đương sự này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn nhà số 03 đường Hai Bà Tr, tổ dân phố X, thị trấn Phan Rí C, Tuy Ph, Bình Thuận do cụ Nguyễn Thị T2, cụ Nguyễn Văn T1 đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất. Bà A cho rằng đây là di sản 02 cụ để lại và yêu cầu chia thừa kế. Ông X, bà Đ thì cho rằng thực tế số tiền mua căn nhà này là do ông X, bà Đ gửi về để mua nhà nhưng nhờ cụ T2, cụ T1 đứng tên giùm, nên cụ T2, cụ T1 mới làm di chúc cho lại vợ chồng ông X căn nhà này.

Xét thủ tục lập di chúc: Căn cứ Giấy bán nhà ngày 10/02/1992 và Tờ khai sở hữu chủ nhà đất ngày 10/02/1992 có cơ sở xác định căn nhà tranh chấp thuộc quyền sở hữu của cụ T2, cụ T1. Do đó, nếu bị đơn cho rằng đây là tài sản của mình thì phải đưa ra chứng cứ chứng minh. Bị đơn có đưa ra bản di chúc để chứng minh quyền sở hữu của mình đối với tài sản tranh chấp. Tuy nhiên, tại thời điểm lập di chúc ngày 08/01/1994 thì cụ T1 không biết chữ, cụ T2 bị mù, nhưng không có người chứng kiến theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 là trái với quy định của pháp luật, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định di chúc không hợp pháp, chia thừa kế đối với di sản này là đúng. Tuy nhiên, như đã nhận định ở phần trên do chưa đủ căn cứ xác định chính xác những người thuộc hàng thừa kế của cụ T2, cụ T1 được hưởng di sản thừa kế nên chưa thể xác định giá trị một kỹ phần chia thừa kế là bao nhiêu.

Mặt khác, việc định giá tài sản được tiến hành năm 2015, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn có yêu cầu định giá lại. Xét thấy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự thì việc tiến hành định giá lại tài sản tranh chấp là cần thiết.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, việc vi phạm này làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của đương sự mà không thể khắc phục được tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Kim A; bị đơn ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị Đ và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận; hủy toàn bộ bản án sơ thẩm; Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim A, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Kim A; bị đơn ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị Đ và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận;

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận;

3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim A, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu. Hoàn trả cho Bà Nguyễn Thị Kim A

300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025752 ngày 19/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị Đ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025754 ngày 26/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Bình Thuận (1);
- VKSND tỉnh Bình Thuận (1);
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận (1);
- ND (1);
- BD (1);
- NLQ (9);
- Lưu VP (5), hồ sơ vụ án (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Ngọc Huynh**